

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - Công ty Cổ phần

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 33

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu thực vật.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai (2) chi nhánh đặt tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 8 Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Trường	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Chi	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Thi	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2023
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12815815/66923522-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thợc vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.329.705.802.215	1.010.522.163.465
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	413.447.321.859	66.544.065.330
111	1. Tiền		123.447.321.859	66.544.065.330
112	2. Các khoản tương đương tiền		290.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	50.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.800.626.574.139	337.218.563.717
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	400.622.393.831	244.476.194.241
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		108.326.000	10.226.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.370.000.000.000	70.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	29.572.161.985	22.079.437.877
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		323.692.323	652.705.599
140	IV. Hàng tồn kho	8	78.841.881.405	468.592.461.313
141	1. Hàng tồn kho		78.841.881.405	468.592.461.313
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		36.790.024.812	88.167.073.105
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		536.137.723	395.104.005
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15	36.253.887.089	76.761.871.084
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	11.010.098.016
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		503.115.826.203	981.599.283.501
210	I. Phải thu dài hạn		3.134.498.474	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.134.498.474	-
220	II. Tài sản cố định		69.320.474.951	73.019.109.482
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	68.624.767.298	72.271.391.795
222	Nguyên giá		288.435.260.078	288.624.412.442
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(219.810.492.780)	(216.353.020.647)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	695.707.653	747.717.687
228	Nguyên giá		4.790.083.240	4.790.083.240
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.094.375.587)	(4.042.365.553)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	4.312.350.616	4.408.541.182
231	1. Nguyên giá		11.797.057.729	11.797.057.729
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(7.484.707.113)	(7.388.516.547)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		426.348.502.162	904.171.632.837
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	378.763.488.686	951.364.071.361
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.2	(47.192.438.524)	(47.192.438.524)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.1	94.777.452.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.832.821.628.418	1.992.121.446.966

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		321.572.473.923	660.379.884.345
310	I. Nợ ngắn hạn		312.183.986.238	650.518.781.921
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	64.248.865.457	65.476.677.934
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	6.191.089.108	32.357.047.635
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	202.726.099.387	3.357.553.111
314	4. Phải trả người lao động		799.319.000	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.277.191.110	5.733.396.527
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	13.173.865.673	13.049.550.440
320	7. Vay ngắn hạn	18	524.553.920	513.050.810.711
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	20.243.002.583	17.493.745.563
330	II. Nợ dài hạn		9.388.487.685	9.861.102.424
337	1. Phải trả dài hạn khác		62.856.000	62.856.000
338	2. Nợ dài hạn	18	7.017.239.685	7.011.330.424
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	3.12	2.308.392.000	2.786.916.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.511.249.154.495	1.331.741.562.621
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	2.511.249.154.495	1.331.741.562.621
411	1. Vốn cổ phần		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		21.541.711.415	21.541.711.415
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.271.707.443.080	92.199.851.206
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		85.599.851.206	137.824.664.346
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) kỳ này		1.186.107.591.874	(45.624.813.140)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.832.821.628.418	1.992.121.446.966

Nguyễn Hoàng Sang
Người lập

Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	669.751.191.376	561.379.994.866
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(787.478.133.878)	(532.564.432.254)
20	3. (Lỗ) lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(117.726.942.502)	28.815.562.612
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.618.678.721.812	71.939.308.391
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(16.949.597.210) (10.760.772.575)	(3.708.152.744) (3.287.990.557)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(12.812.601.128)	(14.791.730.411)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(14.289.850.888)	(16.524.890.350)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.456.899.730.084	65.730.097.498
31	9. Thu nhập khác		110.881.626	15.212.615.631
32	10. Chi phí khác		(332.170.432)	(121.730.458)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác		(221.288.806)	15.090.885.173
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.456.678.441.278	80.820.982.671
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(270.570.849.404)	(5.356.168.640)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.186.107.591.874	75.464.814.031
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.3	9.738	565
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.3	9.738	565

Nguyễn Hoàng Sang
Người lập

Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		1.456.678.441.278	80.820.982.671
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10, 11	3.793.090.237	7.642.999.174
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(289.005.381)	303.004.005
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.611.950.086.459)	(83.400.553.129)
06	Chi phí lãi vay	23	10.760.772.575	3.287.990.557
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(141.006.787.750)	8.654.423.278
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(104.418.729.303)	45.201.206.438
10	Giảm hàng tồn kho		389.750.579.908	37.329.085.607
11	Giảm các khoản phải trả		(99.168.038.688)	(25.570.220.534)
12	Tăng chi phí trả trước		(141.033.718)	(908.425.848)
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.334.499.935)	(3.355.069.272)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.850.742.980)	(1.316.850.264)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		29.830.747.534	60.034.149.405
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(1.394.777.452.000)	(70.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ trái phiếu		50.000.000.000	-
26	Tiền thu hồi từ đầu tư vốn vào đơn vị khác		2.153.721.271.605	-
27	Lãi tiền gửi, trái phiếu và cổ tức nhận được		20.225.434.807	68.558.493.443
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		829.169.254.412	(1.441.506.557)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được	18	-	415.022.540.685
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(512.526.256.791)	(477.113.093.369)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(512.526.256.791)	(62.090.552.684)

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		346.473.745.155	(3.497.909.836)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		66.544.065.330	345.327.035.813
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		429.511.374	(142.961.254)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	413.447.321.859	341.686.164.723


Nguyễn Hoàng Sang
Người lập


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu thực vật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai (2) chi nhánh đặt tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 8 Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 66 (31 tháng 12 năm 2022 là: 98).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá gốc áp dụng phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tổng Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	25 năm
Phần mềm máy tính	2 - 8 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
------------------------	--------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ với giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Quý đầu tư và phát triển

Quý này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

Quý khen thưởng và phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Tổng Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu thực vật. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tổng Công ty bán ra hoặc do Tổng Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tổng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	7.448.801	89.567.574
Tiền gửi ngân hàng	123.439.873.058	66.454.497.756
Các khoản tương đương tiền (*)	290.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	413.447.321.859	66.544.065.330

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	400.622.393.831	231.952.334.537
Các bên khác	-	12.523.859.704
TỔNG CỘNG	400.622.393.831	244.476.194.241

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Số cuối kỳ thể hiện các khoản phải thu về cho vay tín chấp đối với các tổ chức và cá nhân, và hưởng lãi suất 8%/năm. Chi tiết như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Ngày đáo hạn
Công ty Cổ phần Đầu Tư ATO (i)	640.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến ngày 11 tháng 10 năm 2023
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Nhật Vinh (ii)	360.000.000.000	Ngày 11 tháng 10 năm 2023
Công ty Cổ phần Sài Gòn Trường Lưu Thủy (iii)	300.000.000.000	Ngày 12 tháng 10 năm 2023
Trần Hoàng Nam	40.000.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2023
Lê Thị Mỹ Vinh	30.000.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2023
TỔNG CỘNG	<u>1.370.000.000.000</u>	

- (i) Theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-HĐQT, 13/NQ-HĐQT và 15/NQ-HĐQT lần lượt vào các ngày 27 tháng 3 năm 2023, ngày 6 tháng 4 năm 2023 và ngày 10 tháng 4 năm 2023, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua việc ký các hợp đồng cho vay đối với Công ty Cổ phần Đầu Tư ATO với tổng giá trị cho vay là 640.000.000.000 VND và thời gian đáo hạn từ ngày 28 tháng 6 năm 2023 đến ngày 11 tháng 7 năm 2023.

Sau đó, theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/NQ-HĐQT, 22/NQ-HĐQT và 23/NQ-HĐQT lần lượt vào các ngày 11 tháng 7 năm 2023, ngày 28 tháng 6 năm 2023 và ngày 6 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua việc gia hạn thời hạn cho vay đối với Công ty Cổ phần Đầu Tư ATO từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến ngày 11 tháng 10 năm 2023.

- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/NQ-HĐQT vào ngày 10 tháng 4 năm 2023, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua việc ký hợp đồng cho vay đối với Công ty TNHH MTV Thực phẩm Nhật Vinh với giá trị cho vay là 360.000.000.000 VND và thời gian đáo hạn vào ngày 11 tháng 7 năm 2023.

Sau đó, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 24/NQ-HĐQT vào ngày 11 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua việc gia hạn thời hạn cho vay đối với Công ty TNHH MTV Thực phẩm Nhật Vinh đến ngày 11 tháng 10 năm 2023.

- (iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/NQ-HĐQT vào ngày 10 tháng 4 năm 2023, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua việc ký hợp đồng cho vay đối với Công ty Cổ phần Sài Gòn Trường Lưu Thủy với giá trị cho vay là 300.000.000.000 VND và thời gian đáo hạn vào ngày 11 tháng 7 năm 2023.

Sau đó, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 25/NQ-HĐQT vào ngày 11 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua việc gia hạn thời hạn cho vay đối với Công ty Cổ phần Sài Gòn Trường Lưu Thủy đến ngày 12 tháng 10 năm 2023.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thợc vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	29.572.161.985	22.079.437.877
Lãi tiền gửi	29.405.136.985	2.653.698.630
Cổ tức phải thu	-	17.985.462.000
Khác	167.025.000	1.440.277.247
Dài hạn	3.134.498.474	-
Lãi tiền gửi	1.839.721.227	-
Đặt cọc	1.294.777.247	-
TỔNG CỘNG	32.706.660.459	22.079.437.877
Trong đó:		
Các bên khác	31.411.883.212	2.799.198.630
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.294.777.247	19.280.239.247

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Hàng hóa	42.376.421.964	414.025.153.601
Thành phẩm	33.886.804.741	49.042.546.315
Công cụ, dụng cụ	2.099.753.830	2.136.878.564
Nguyên vật liệu	478.900.870	656.186.879
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.731.695.954
TỔNG CỘNG	78.841.881.405	468.592.461.313

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	157.473.214.517	126.046.074.298	5.105.123.627	288.624.412.442
Thanh lý	-	(189.152.364)	-	(189.152.364)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	157.473.214.517	125.856.921.934	5.105.123.627	288.435.260.078
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	27.136.632.288	96.259.383.296	3.015.662.693	126.411.678.277
Giá trị khấu hao lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	95.116.928.430	116.924.708.077	4.311.384.140	216.353.020.647
Khấu hao trong kỳ	2.398.282.476	1.119.485.855	127.121.306	3.644.889.637
Thanh lý	-	(187.417.504)	-	(187.417.504)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	97.515.210.906	117.856.776.428	4.438.505.446	219.810.492.780
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	62.356.286.087	9.121.366.221	793.739.487	72.271.391.795
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	59.958.003.611	8.000.145.506	666.618.181	68.624.767.298



**Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>2.595.135.240</u>	<u>2.194.948.000</u>	<u>4.790.083.240</u>
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	2.194.948.000	2.194.948.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.847.417.553	2.194.948.000	4.042.365.553
Hao mòn trong kỳ	<u>52.010.034</u>	-	<u>52.010.034</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>1.899.427.587</u>	<u>2.194.948.000</u>	<u>4.094.375.587</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>747.717.687</u>	-	<u>747.717.687</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>695.707.653</u>	-	<u>695.707.653</u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>11.797.057.729</u>
Giá trị khấu hao lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.388.516.547
Khấu hao trong kỳ	<u>96.190.566</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>7.484.707.113</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>4.408.541.182</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>4.312.350.616</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2023. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

12.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm Hữu hạn, có thời gian đáo hạn vào tháng 9 năm 2026 và hưởng lãi suất 8%/năm.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào các công ty liên kết	378.763.488.686	951.364.071.361
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(47.192.438.524)	(47.192.438.524)
GIÁ TRỊ THUẦN	331.571.050.162	904.171.632.837

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

		Ngày 30 tháng 6 năm 2023				Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
	Hoạt động kinh doanh	Vốn đầu tư	Dự phòng	%		Vốn đầu tư	Dự phòng	%	
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An ("TAC")	Sản xuất và kinh doanh dầu thực vật	247.049.222.600	-	26,54		247.049.222.600	-	26,54	
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina	Sản xuất và kinh doanh mỹ phẩm	84.521.827.562	-	40,00		84.521.827.562	-	40,00	
Công ty TNHH Kido - Nhà Bè ("KDNB")	Sản xuất và kinh doanh dầu thực vật	47.192.438.524	(47.192.438.524)	49,00		47.192.438.524	(47.192.438.524)	49,00	
Công ty TNHH Dầu Thực vật Cái Lân ("Calofic") (*)	Sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật	-	-	24,00		572.600.582.675	-	24,00	
TỔNG CỘNG		378.763.488.686	(47.192.438.524)			951.364.071.361	(47.192.438.524)		

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 11 năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 24,00% vốn sở hữu trong Calofic cho Công ty Siteki Investment Pte Ltd với giá chuyển nhượng là 2.157.837.500.000 VND. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, giao dịch nói trên đã hoàn tất, Calofic không còn là công ty liên kết của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Apical Viet Nam Oils and Fats Pte.Ltd	63.933.447.463	-
Wilmar Trading Pte Ltd	-	59.534.783.404
Khác	315.417.994	5.941.894.530
TỔNG CỘNG	64.248.865.457	65.476.677.934
Trong đó:		
Các bên khác	64.248.865.457	65.427.045.934
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	49.632.000

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu An Hưng Phước	2.046.703.700	2.046.703.700
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Minh Phú	2.000.000.000	2.000.000.000
Khác	2.144.385.408	1.966.343.935
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	26.344.000.000
TỔNG CỘNG	6.191.089.108	32.357.047.635

15. THUẾ

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế giá trị gia tăng	(76.761.871.084)	58.698.251.462	(18.190.267.467)	(36.253.887.089)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.010.098.016)	270.570.849.404	(60.000.000.000)	199.560.751.388
Thuế thu nhập cá nhân	506.756.122	1.174.652.407	(1.568.639.166)	112.769.363
Tiền thuê đất	2.850.796.989	864.502.287	(662.720.640)	3.052.578.636
TỔNG CỘNG	(84.414.415.989)	331.308.255.560	(80.421.627.273)	166.472.212.298
Trong đó:				
Thuế GTGT được khấu trừ	(76.761.871.084)			(36.253.887.089)
Thuế nộp thừa	(11.010.098.016)			-
Thuế phải nộp	3.357.553.111			202.726.099.387

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí lưu tàu	3.866.504.496	3.866.504.496
Chi phí lãi vay	-	573.727.360
Chi phí bảo trì	-	499.014.000
Chi phí khác	410.686.614	794.150.671
TỔNG CỘNG	<u>4.277.191.110</u>	<u>5.733.396.527</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cổ phần hóa	12.716.244.592	12.716.244.592
Các khoản phải trả, phải nộp khác	457.621.081	333.305.848
TỔNG CỘNG	<u>13.173.865.673</u>	<u>13.049.550.440</u>

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Trả tiền vay	Đánh giá lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ngắn hạn	513.050.810.711	(512.526.256.791)	-	524.553.920
Vay ngân hàng	512.020.018.222	(512.020.018.222)	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.1)	1.030.792.489	(506.238.569)	-	524.553.920
Dài hạn	7.011.330.424	-	5.909.261	7.017.239.685
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (Thuyết minh số 18.1)	7.011.330.424	-	5.909.261	7.017.239.685
TỔNG CỘNG	<u>520.062.141.135</u>	<u>(512.526.256.791)</u>	<u>5.909.261</u>	<u>7.541.793.605</u>

18.1 Nợ dài hạn

Tổng Công ty có khoản nợ tín chấp không lãi suất với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 liên quan đến khoản thuê đất để xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 115/1988/HDTD ngày 12 tháng 5 năm 1988. Tổng Công ty dùng khu đất này để góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina. Chi tiết được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Ngày đến hạn	Mục đích
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	<u>7.541.793.605</u>	Ngày 12 tháng 5 năm 2028	Góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina
Trong đó:			
Nợ dài hạn đến hạn trả	524.553.920		
Nợ dài hạn	7.017.239.685		

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Trích lập quỹ	Sử dụng quỹ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Quỹ khen thưởng	10.337.389.325	2.000.000.000	(1.797.837.126)	10.539.552.199
Quỹ phúc lợi	7.156.356.238	2.800.000.000	(252.905.854)	9.703.450.384
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)	-
TỔNG CỘNG	17.493.745.563	6.600.000.000	(3.850.742.980)	20.243.002.583

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.218.000.000.000	21.541.711.415	289.684.664.346	1.529.226.375.761
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	75.464.814.031	75.464.814.031
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.700.000.000)	(4.700.000.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.218.000.000.000	21.541.711.415	359.449.478.377	1.598.991.189.792
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.218.000.000.000	21.541.711.415	92.199.851.206	1.331.741.562.621
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.186.107.591.874	1.186.107.591.874
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.218.000.000.000	21.541.711.415	1.271.707.443.080	2.511.249.154.495

**Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000	1.218.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000	1.218.000.000.000

20.3 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	1.186.107.591.874	75.464.814.031
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(6.600.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.186.107.591.874	68.864.814.031
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	121.800.000	121.800.000
Lãi cơ bản (VND)	9.738	565
Lãi suy giảm (VND)	9.738	565

(*) Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận giữ lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2023.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và vào ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Doanh thu bán hàng hóa	588.980.367.310	391.464.915.359
Doanh thu bán thành phẩm	79.760.223.878	167.760.494.583
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.003.124.575	2.094.808.133
Doanh thu khác	7.475.613	59.776.791
TỔNG CỘNG	669.751.191.376	561.379.994.866
Trong đó:		
Các bên liên quan	594.673.870.020	234.443.474.144
Các bên khác	75.077.321.356	326.936.520.722

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.585.236.917.325	-
Lãi tiền gửi và cho vay	30.831.132.389	6.609.943.576
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.610.672.098	2.629.309.447
Cổ tức được chia	-	62.700.055.368
TỔNG CỘNG	1.618.678.721.812	71.939.308.391

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn hàng hóa đã bán	705.551.258.312	374.241.094.808
Giá vốn thành phẩm đã bán	80.990.927.269	153.619.474.226
Giá vốn khác	935.948.297	4.703.863.220
TỔNG CỘNG	787.478.133.878	532.564.432.254

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí lãi vay	10.760.772.575	3.287.990.557
Chi phí thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	4.116.228.395	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	951.188.107	420.162.187
Chi phí khác	1.121.408.133	-
TỔNG CỘNG	16.949.597.210	3.708.152.744

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí lương nhân viên	6.543.589.685	8.556.366.036
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.549.658.110	2.613.229.891
Chi phí vận chuyển	1.593.128.958	1.431.232.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.452.506.799	1.745.035.680
Chi phí khác	673.717.576	445.866.063
TỔNG CỘNG	12.812.601.128	14.791.730.411

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.540.186.912	6.680.906.303
Chi phí lương nhân viên	5.871.668.622	8.139.301.827
Chi phí khấu hao và hao mòn	143.335.098	190.331.442
Chi phí khác	1.734.660.256	1.514.350.778
TỔNG CỘNG	14.289.850.888	16.524.890.350

**Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn hàng hóa	705.551.258.312	374.241.094.808
Chi phí nguyên vật liệu	77.101.521.273	54.210.536.022
Chi phí lương nhân viên	15.291.837.485	19.688.126.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.687.896.927	14.068.438.489
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9, 10 và 11)	3.793.090.237	7.642.999.174
Chi phí khác	2.408.377.832	1.960.216.841
TỔNG CỘNG	813.833.982.066	471.811.411.418

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.456.678.441.278	80.820.982.671
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	291.335.688.256	16.164.196.534
<i>Điều chỉnh:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(12.540.011.074)
Chi phí không được trừ	932.221.812	1.731.983.180
Sử dụng lỗ thuế năm trước chuyển sang	(21.697.060.664)	-
Chi phí thuế TNDN	270.570.849.404	5.356.168.640

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“KDC”)	Công ty mẹ
TAC	Công ty liên kết
KDNB	Công ty liên kết
Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên Hội đồng quản trị
	kiêm Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Trường	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Ngọc Chi	Thành viên ban kiểm soát
Bà Nguyễn Mai Thi	Thành viên ban kiểm soát
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Minh Sơn	Kế toán trưởng

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các bên liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tổng Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
TAC	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	350.377.514.000	81.063.763.000
	Bán tài sản cố định	-	34.230.811.850
KDNB	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	243.666.892.485	151.707.000.000
	Cung cấp dịch vụ	507.020.535	1.256.730.452
	Mua hàng hóa	117.868.000	6.797.254.889
	Sử dụng dịch vụ gia công dầu	29.529.500	2.279.891.052
	Cho mượn hàng hóa	-	33.777.402.376
KDC	Thuê văn phòng	1.499.814.576	1.627.734.767
	Mua hàng hóa	830.724.898	4.346.746.287
	Bán hàng hóa	122.443.000	415.980.692

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)			
KDNB	Bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ	278.849.793.831	231.712.381.217
TAC	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	121.772.600.000	-
KDC	Cung cấp dịch vụ	-	239.953.320
		400.622.393.831	231.952.334.537
Phải thu khác (Thuyết minh số 7)			
KDC	Đặt cọc thuê văn phòng	1.294.777.247	1.294.777.247
TAC	Cổ tức được chia	-	17.985.462.000
		1.294.777.247	19.280.239.247
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)			
KDC	Mua dịch vụ	-	49.632.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14)			
TAC	Tạm ứng mua hàng hóa	-	26.344.000.000

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ:

		VND	
Tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên	36.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG		120.000.000	120.000.000

Lương của các thành viên Ban Tổng Giám Đốc trong kỳ:

		VND	
Tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Tổng Giám đốc	1.244.144.000	1.021.680.000
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.026.080.000	792.800.000
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	-	913.958.400
TỔNG CỘNG		2.270.224.000	2.728.438.400

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Văn Trường	Trưởng ban	50.800.000	83.600.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Chi	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Mai Thi	Thành viên	18.000.000	9.000.000
Bà Nguyễn Lê Trà My	Thành viên	-	6.000.000
TỔNG CỘNG		86.800.000	116.600.000

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty hiện đang thuê đất và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	9.716.476.451	999.876.384
Từ 1 đến 5 năm	8.377.723.985	-
TỔNG CỘNG	18.094.200.436	999.876.384

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty.


Nguyễn Hoàng Sang
Người lập


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023